

BUILDING A TOOL TO ASSESS STUDENTS' PROBLEM SOLVING CAPACITY AND CREATIVITY IN TEACHING STORY TEXT READING - GRADE 10

Lam Tran Son Ngoc Thien Chuong*, Tran Cong Dan

VNU- HCM, AGU - An Giang University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	10/7/2023	In the current context of educational innovation, assessment is an extremely important factor, associated with teaching and learning activities, and has the effect of adjusting and improving the quality of teaching and learning. However, in what form? Which tool? It is one of the great challenges for teachers in teaching. This study aims to help determine the level of students' creativity and problem-solving creativity, thereby giving a specific orientation in teaching to develop this capacity in teaching reading and understanding texts and stories in high school for students. On the basis of theoretical research, the article has proposed a number of tools to assess students' problem solving and creativity: The teacher's observation checklist; Student rubrics and tests. Research results show that the use of creative and problem-solving capacity assessment tools in teaching activities will help teachers comprehensively assess this ability of learners with a variety of assessment tool, contributing to measuring the achievement of the goal of educational innovation towards developing competence and quality for learners today. At the same time, the results of the study are useful references for Literature teacher in high schools.
Revised:	12/9/2023	
Published:	12/9/2023	
KEYWORDS		
Problem solving ability and creativity		
Capacity assessment tool		
Teaching reading comprehension		
Story text		
Textbook of Creative horizons		

XÂY DỰNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN - LỚP 10

Lâm Trần Sơn Ngọc Thiên Chương*, Trần Công Dân

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học An Giang

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	10/7/2023	Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay thì đánh giá là một yếu tố vô cùng quan trọng, gắn liền với hoạt động dạy và học, có tác dụng điều chỉnh và nâng cao chất lượng dạy và học. Tuy nhiên, đánh giá bằng hình thức nào? Công cụ nào? Là một trong những thách thức lớn đối với giáo viên trong dạy học. Nghiên cứu này nhằm mục đích giúp xác định mức độ năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh, từ đó có định hướng cụ thể trong dạy học nhằm phát triển năng lực này trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện ở trường phổ thông cho học sinh. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận, bài viết đã đề xuất một số công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh: Bảng kiểm quan sát của giáo viên; Phiếu tự đánh giá của học sinh và đề kiểm tra. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo vào các hoạt động dạy học sẽ giúp giáo viên đánh giá một cách toàn diện về năng lực này của người học với đa dạng các công cụ đánh giá, góp phần đo lường mức độ đạt được của mục tiêu đổi mới giáo dục hướng đến phát triển năng lực và phẩm chất cho người học hiện nay. Đồng thời, kết quả của nghiên cứu là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên Ngữ văn ở trường phổ thông.
Ngày hoàn thiện:	12/9/2023	
Ngày đăng:	12/9/2023	
TỪ KHÓA		
Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo		
Công cụ đánh giá năng lực		
Dạy học đọc hiểu		
Văn bản truyện		
Sách giáo khoa Chân trời sáng tạo		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8304>

* Corresponding author. Email: tsntchuong@agu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ công nghệ của thế kỷ XXI, tri thức và năng lực của con người được xem là yếu tố quyết định sự phát triển của xã hội. Nắm bắt được điều đó, chương trình Giáo dục phổ thông Tổng thể 2018 ra đời và xác định rõ: “Những năng lực (NL) chung được hình thành, phát triển thông qua tất cả các môn học và hoạt động giáo dục: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (NL GQVĐ&ST)” [1, tr. 7]. Có thể thấy, NL GQVĐ&ST là một trong những NL quan trọng đòi hỏi cần hình thành ở mỗi HS. Khi hình thành được NL này, HS sẽ có khả năng giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

NL GQVĐ&ST đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, có một số công trình của các tác giả như: Hoàng Văn Cường [2], Nguyễn Ngọc Kiều Vy [3], Vũ Thị Thu [4],... các tác giả đều có điểm tương đồng là đi sâu vào nghiên cứu về cơ sở lý luận của NL GQVĐ&ST. Từ đó, các tác giả đề xuất biện pháp dạy học nhằm phát triển NL GQVĐ&ST cho học sinh trong dạy học.

Công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST đã được các tác giả: Chu Văn Tiềm và Đào Thị Việt Anh [5] nghiên cứu về biểu hiện và xây dựng công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học tích hợp môn khoa học tự nhiên ở trường trung học cơ sở. Tác giả Cao Thị Thặng và Lê Ngọc Vịnh [6] đã nghiên cứu việc xây dựng bộ công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST cho học sinh khi vận dụng dạy học dự án tích hợp Khoa học tự nhiên trong các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học trường trung học cơ sở. Tác giả Nguyễn Ngọc Tuấn, Bùi Thị Hạnh và Trần Trung Ninh [7] đã thiết kế khung đánh giá NL GQVĐ&ST cho sinh viên thông qua dạy học theo mô hình “lớp học đảo ngược” phân hóa học đại cương tại các trường Đại học Kỹ thuật ở Việt Nam. Kế thừa những nghiên cứu đã có, tác giả Nguyễn Ngọc Duy [8] đã thiết kế bộ công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST cho học sinh các tỉnh miền núi Tây Bắc thông qua dạy học dự án trong môn Hóa học, nghiên cứu bước đầu đã mang lại những hiệu quả đáng kể, việc vận dụng các công cụ giúp đánh giá NL GQVĐ&ST của học sinh được toàn diện và hiệu quả hơn thông qua kết quả thực nghiệm. Cũng với hình thức nghiên cứu này Trần Trung Ninh [9] đã nghiên cứu việc đánh giá năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trung học phổ thông thông qua dạy học theo dự án phân hóa học vô cơ ở nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, nghiên cứu đã xây dựng các công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST hiệu quả, được thể hiện thông qua kết quả thực nghiệm.

Các công trình của các nhà khoa học với nhiều cách tiếp cận ở những khía cạnh khác nhau đã đề cập đến việc xây dựng công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST của người học. Tuy nhiên, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống, cụ thể về việc xây dựng công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện ở lớp 10. Do đó, bài viết sẽ tập trung làm sáng tỏ và đề xuất một số công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện ở lớp 10, góp phần vào việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá và nâng cao chất lượng trong dạy và học Ngữ văn hiện nay.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp này được sử dụng trong việc tham khảo hệ thống các văn bản, quy định của Đảng, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý các cấp đối với mục tiêu đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá trong môn Ngữ văn cho học sinh hiện nay. Đặc biệt, chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp này trong việc tham khảo các công trình nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn trước đó liên quan đến NL GQVĐ&ST và việc xây dựng công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST là cơ sở cho nghiên cứu này. Đồng thời, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, đề xuất công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST trong kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Nội dung

3.1. Khái quát

3.1.1. Định nghĩa năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

NL GQVĐ&ST là một năng lực đặc biệt. Bởi ngoài việc tháo gỡ những vướng mắc về mặt nhận thức và hành động, năng lực này đòi hỏi người học cách giải quyết vấn đề không theo một quy tắc đã được định sẵn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu về NL này đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về NL GQVĐ&ST như sau:

Đỗ Thị Thu Thủy (2017) đã định nghĩa NL GQVĐ&ST: “Là khả năng cá nhân giải quyết tình huống có vấn đề mà ở đó không có sẵn quy trình, thủ tục, giải pháp thông thường có sẵn, hoặc có thể giải quyết một cách thành thạo với những nét độc đáo riêng, theo chiều hướng luôn đổi mới, phù hợp với thực tế” [10, tr. 8].

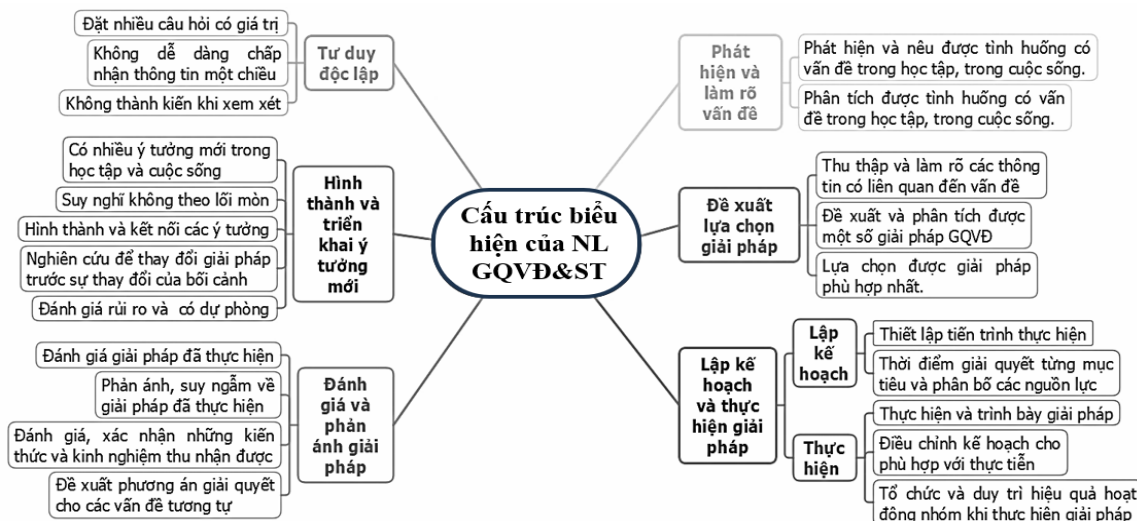
Theo Nguyễn Ngọc Kiều Vy (2018): “NL GQVĐ&ST là khả năng nhận thức của cá nhân HS hình thành các ý tưởng khi đối mặt với tình huống có VĐ, độc lập tư duy và tự lực giải quyết vấn đề mà ở đó không có sẵn quy trình, thủ tục, giải pháp có sẵn thông thường” [3, tr. 11].

Theo Nguyễn Ngọc Duy (2020) trong luận án tiến sĩ, ông đã đưa ra định nghĩa rằng: “NL GQVĐ&ST là khả năng cá nhân tư duy một cách độc lập và sáng tạo, sử dụng hiệu quả các quá trình nhận thức, hành động và thái độ, động cơ, xúc cảm để giải quyết những tình huống, những vấn đề học tập và thực tiễn mà ở đó không có sẵn quy trình, thủ tục, giải pháp thông thường, đồng thời có thể hình thành và triển khai được các ý tưởng mới” [11, tr. 21].

Có thể thấy, mỗi tác giả đều có cách định nghĩa khác nhau về NL GQVĐ&ST. Tuy nhiên, dựa trên các định nghĩa trên chúng ta có thể hiểu NL GQVĐ&ST là khả năng cá nhân sử dụng hiệu quả các quá trình nhận thức, hành động, thái độ, động cơ, xúc cảm để giải quyết các tình huống mà ở đó không có sẵn quy trình, thủ tục, giải pháp thông thường và đưa ra được ý tưởng mới trong quá trình GQVĐ.

3.1.2. Cấu trúc biểu hiện của năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Căn cứ vào Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, cấu trúc của NL GQVĐ&ST bao gồm 6 năng lực thành phần: Phát hiện và làm rõ vấn đề; Đề xuất lựa chọn giải pháp; Lập kế hoạch và thực hiện giải pháp; Đánh giá và phản ánh giải pháp; Hình thành và triển khai ý tưởng mới; Tư duy độc lập. Mỗi năng lực thành phần của NL GQVĐ&ST bao gồm một số hành vi của cá nhân khi làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm trong quá trình GQVĐ&ST và được mô tả cụ thể qua hình 1:



Hình 1. Cấu trúc biểu hiện của NL GQVĐ&ST

Như vậy, cấu trúc này đã chú trọng và mô tả rõ các biểu hiện sáng tạo, tư duy độc lập của cá nhân trong các NL thành phần của NL GQVĐ&ST. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ sử dụng cấu trúc này làm cơ sở khoa học để xây dựng bộ công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST của HS trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện – SGK Ngữ văn lớp 10 Chân trời sáng tạo.

3.2. Một số công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện – Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 10 Chân trời sáng tạo

3.2.1. Tiêu chí và mức độ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện

Để xây dựng công cụ đánh giá NL GQVĐ&ST của HS cần dựa vào khái niệm, các biểu hiện của NL GQVĐ&ST, các tiêu chuẩn, tiêu chí và các mức độ thể hiện NL GQVĐ&ST của HS lớp 10 trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện ở trường THPT. Trên cơ sở đó bài báo này xác định tiêu chí và các mức độ đánh giá NL GQVĐ&ST của HS trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện như trong bảng 1.

Bảng 1. Tiêu chí và mức độ đánh giá NL GQVĐ&ST của HS trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện

Tiêu chí đánh giá	Mức độ		
	Mức độ 1 (Chưa đạt)	Mức độ 2 (Đạt)	Mức độ 3 (Tốt)
1. Phát hiện, nêu và phân tích được tình huống có vấn đề trong truyện.	Chưa phát hiện, nêu và phân tích được tình huống có vấn đề trong truyện.	Phát hiện, nêu và phân tích được tình huống có vấn đề trong truyện nhưng chưa đầy đủ.	Phát hiện, nêu và phân tích được tình huống có vấn đề trong truyện một cách đầy đủ.
2. Đề xuất được các giải pháp GQVĐ.	Đề xuất được một vài giải pháp GQVĐ nhưng chưa đầy đủ và hợp lí.	Đề xuất được một số giải pháp GQVĐ hợp lí nhưng trình bày chưa đầy đủ và logic.	Đề xuất được nhiều giải pháp GQVĐ hợp lí, trình bày rõ ràng, đầy đủ và logic.
3. So sánh, đánh giá và lựa chọn giải pháp GQVĐ phù hợp, tối ưu.	Chưa so sánh, đánh giá được giải pháp và chưa xác định được giải pháp GQVĐ phù hợp.	So sánh, đánh giá được giải pháp nhưng chưa lựa chọn giải pháp GQVĐ phù hợp và tối ưu nhất.	So sánh, đánh giá được giải pháp và lựa chọn được giải pháp GQVĐ phù hợp và tối ưu nhất.
4. Lập kế hoạch GQVĐ.	Chưa lập được kế hoạch GQVĐ.	Lập được kế hoạch GQVĐ nhưng chưa đầy đủ và hợp lí.	Lập được kế hoạch GQVĐ đầy đủ và hợp lí.
5. Thực hiện giải pháp GQVĐ.	Chưa thực hiện tốt giải pháp GQVĐ, còn lúng túng trong quá trình thực hiện.	Thực hiện được giải pháp GQVĐ nhưng chưa linh hoạt và hiệu quả.	Thực hiện được giải pháp GQVĐ, đảm bảo tiến độ và hiệu quả.
6. Đánh giá giải pháp và trình bày kết quả GQVĐ.	Chưa biết đánh giá giải pháp GQVĐ và trình bày kết quả GQVĐ chưa rõ ràng, đầy đủ.	Đánh giá được giải pháp GQVĐ và trình bày kết quả GQVĐ nhưng đầy đủ và logic.	Đánh giá được giải pháp GQVĐ và trình bày kết quả GQVĐ đầy đủ, logic và khoa học.
7. Hình thành và kết nối các ý tưởng mới để GQVĐ tương tự hoặc VD mới.	Nêu được một vài ý tưởng mới, VD tương tự, nhưng chưa kết nối và vận dụng ý tưởng vào GQVĐ tương tự hoặc VD mới.	Nêu được nhiều ý tưởng mới, VD tương tự, biết kết nối các ý tưởng nhưng chưa vận dụng ý tưởng vào GQVĐ tương tự hoặc VD mới.	Nêu được nhiều ý tưởng mới, VD tương tự, kết nối các ý tưởng và vận dụng ý tưởng vào GQVĐ tương tự hoặc VD mới.
8. Đề xuất giải pháp thay thế hoặc thay đổi giải pháp đã có cho phù hợp với bối cảnh, đánh giá mức độ rủi ro và có dự phòng.	Chưa đề xuất được giải pháp thay thế, đề xuất thay đổi phương án thay thế nhưng chưa đánh giá được mức độ rủi ro và có dự phòng.	Đề xuất được giải pháp thay thế phù hợp với bối cảnh nhưng chưa đánh giá được mức độ rủi ro và có dự phòng.	Đề xuất được giải pháp thay thế phù hợp. Đánh giá được mức độ rủi ro của phương án mới và có dự phòng.
9. Điều chỉnh và vận dụng phương án vận dụng phương án GQVĐ vào tình huống, bối cảnh mới.	Chưa biết điều chỉnh và vận dụng phương án GQVĐ vào tình huống, bối cảnh mới.	Đề xuất được một số điều chỉnh và vận dụng phương án GQVĐ vào tình huống, bối cảnh mới nhưng chưa thật phù hợp.	Đề xuất được những điều chỉnh và vận dụng phương án GQVĐ vào tình huống, bối cảnh mới phù hợp và hợp lí.
10. Tiếp nhận và đánh giá lại vấn đề dưới những góc nhìn khác nhau.	Tiếp nhận vấn đề còn phiến diện, chưa quan tâm đến lập luận, minh chứng thuyết phục và đánh giá lại vấn đề.	Tiếp nhận và đánh giá vấn đề đầy đủ nhưng chưa xem xét đánh giá lại vấn đề dưới những góc nhìn khác nhau.	Tiếp nhận và đánh giá vấn đề linh hoạt và độc lập, có sự phân tích, đánh giá lại vấn đề dưới những góc nhìn khác nhau.

Trong đó: - Mức 1: tương đương với mức độ chưa đạt, từ 0 - 4 điểm.

- Mức 2: tương đương với mức độ đạt, từ 5 - 7 điểm.

- Mức 3: tương đương với mức tốt, từ 8 - 10 điểm

3.2.2. Xây dựng công cụ đánh giá năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của học sinh

Mức độ đánh giá NL GQVĐ&ST của HS trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện như bảng 1 là cơ sở để xây dựng một số công cụ nhằm đánh giá NL GQVĐ&ST trong dạy học Ngữ văn nói chung và trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện nói riêng cho HS ở trường THPT. Trong bài viết này, chúng tôi xây dựng 2 công cụ đánh giá chính là bảng kiểm quan sát và đề kiểm tra như sau:

a. Thiết kế bảng kiểm quan sát của giáo viên và học sinh

Bảng kiểm quan sát (bảng 2) sẽ giúp GV quan sát có chủ đích các tiêu chí của NL GQVĐ&ST thông qua các hoạt động học tập của HS, từ đó đánh giá được mức độ NL GQVĐ&ST của HS.

Quy trình thiết kế bảng kiểm quan sát gồm 4 bước sau:

- Bước 1: Xác định mục tiêu, phạm vi, thời điểm và đối tượng quan sát, đánh giá.

- Bước 2: Xây dựng các tiêu chí quan sát và mức độ đạt được cho mỗi tiêu chí.

- Bước 3: Hoàn thiện các tiêu chí và mức độ đánh giá cho phù hợp.

- Bước 4: Xác định cách xử lý dữ liệu đánh giá.

Bảng 2. Bảng kiểm quan sát đánh giá NL GQVĐ&ST của GV và HS trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện

Trường THPT:		Ngày Tháng Năm		
Đối tượng quan sát:				
Tên bài học:				
Tên giáo viên:				
STT	Tiêu chí thể hiện NL GQVĐ&ST	Mức độ		
		Mức 1 (0 – 4)	Mức 2 (5 – 7)	Mức 3 (8 – 10)
1	Phát hiện, nêu và phân tích được tình huống có vấn đề.			
2	Đề xuất được các giải pháp GQVĐ theo yêu cầu.			
3	So sánh, đánh giá và lựa chọn giải pháp GQVĐ phù hợp, tối ưu.			
4	Lập kế hoạch GQVĐ.			
5	Thực hiện giải pháp GQVĐ.			
6	Đánh giá giải pháp và trình bày kết quả GQVĐ.			
7	Hình thành và kết nối các ý tưởng mới để GQVĐ tương tự hoặc VĐ mới.			
8	Đề xuất giải pháp thay thế hoặc thay đổi giải pháp đã có cho phù hợp với bối cảnh, đánh giá mức độ rủi ro và có dự phòng.			
9	Điều chỉnh và vận dụng phương án GQVĐ vào tình huống, bối cảnh mới.			
10	Tiếp nhận và đánh giá lại vấn đề dưới những góc nhìn khác nhau.			

Như vậy, GV có thể sử dụng bảng kiểm quan sát để đánh giá quá trình GQVĐ của HS trong giờ học đọc hiểu văn bản truyện, cùng với các kết quả mà HS thực hiện ở phiếu học tập và ghi nhận mức độ biểu hiện ở từng tiêu chí bằng cách đánh dấu mức độ mà HS đạt được.

Bảng kiểm này đối với HS được sử dụng như phiếu tự đánh giá được thực hiện sau quá trình GQVĐ để thấy được sự phát triển NL GQVĐ&ST của HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Việc thiết kế phiếu tự đánh giá của HS được thực hiện theo quy trình sau:

- Bước 1: Xác định đối tượng, mục tiêu và thời điểm đánh giá.

- Bước 2: Xác định nội dung và các tiêu chí cần đánh giá.

- Bước 3: Thiết kế các tiêu chí và các mức độ đạt được của HS. Xác định thang đo mức độ của các tiêu chí của NLGQVĐ&ST.

- Bước 4: Xác định hình thức xử lý dữ liệu đánh giá.

Như vậy, tự đánh giá sẽ giúp HS nhận ra được những lỗ hổng kiến thức, kỹ năng và các biểu hiện của NL GQVĐ&ST. Từ đó, HS kịp thời điều chỉnh hoạt động học cho phù hợp, giúp phát triển được NL GQVĐ&ST.

b. Thiết kế đề kiểm tra

Đề kiểm tra, đánh giá NL GQVĐ&ST của HS ngoài nhiệm vụ đánh giá kiến thức, kĩ năng của HS còn giúp làm rõ khả năng thể hiện được các tiêu chí đặc trưng của NL GQVĐ&ST ở mức độ nào. Vì vậy, GV cần thiết kế các bài tập theo định hướng phát triển năng lực để xây dựng đề kiểm tra.

Các yêu cầu trong bài kiểm tra đánh giá NL của HS cần thể hiện đúng nội dung kiến thức, kĩ năng và NL GQVĐ&ST cần đánh giá. Phù hợp với thời gian thực hiện để giải quyết một VD (GV nên dự kiến sản phẩm GQVĐ của HS, từ đó, GV cân nhắc về mặt thời gian cho HS thực hiện).

Quy trình thiết kế đề kiểm tra, đánh giá NL GQVĐ&ST của HS, GV có thể tiến hành theo các bước sau:

- Bước 1: Xác định mục tiêu, thời điểm và thời gian diễn ra đánh giá;
- Bước 2: Xác định rõ các tiêu chí cần đánh giá, phương pháp và điều kiện thực hiện kiểm tra;
- Bước 3: Thiết kế câu hỏi và định hướng đáp án của đề kiểm tra;
- Bước 4: Lập ma trận cho đề kiểm tra, các câu hỏi, các nội dung của tiêu chí cần đánh giá;
- Bước 5: Thử nghiệm, trao đổi với đồng nghiệp hoặc lấy ý kiến của chuyên gia;
- Bước 6: Chỉnh sửa và hoàn thiện đề kiểm tra.

Ví dụ: Đề kiểm tra đọc hiểu đánh giá NL GQVĐ&ST cho học sinh lớp 10 như sau:

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Đọc trích đoạn sau và trả lời các câu hỏi:

“(...) Không phải ngày phiên chợ nên chợ vắng không. Mấy cái quán chơ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa Sơn thấy rõ như ở gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên lạnh tanh dưới nhịp guốc của hai chị em....

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

- Ủ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui (...)

Hai chị em lo lắng dặt nhau lên về nhà. Đến cửa, Sơn nghe thấy tiếng mẹ nói ở trong với tiếng một người đàn bà khác nữa, nghe quen quen. Lan dắt tay Sơn khép nép bước vào, hai chị em ngạc nhiên đứng sững ra khi thấy mẹ con Hiền đang ngồi ở cái ghế con trên đất trước mặt mẹ, tay cầm cái áo bông cũ.

Thấy hai con về, mẹ Sơn ngừng lên nhìn rồi nghiêm nghị bảo:

- Kìa, hai cô cậu đã về kìa. Thế áo bông của tôi đâu mà tự tiện đem cho đấy?

Sơn sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị. Bác Hiền vừa cười vừa nói:

- Tôi về thấy cháu nó mặc cái áo bông tôi hỏi ngay. Nó bảo của cậu Sơn cho nó. Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mẹ. Thôi, bây giờ, xin phép mẹ tôi về.” [12, tr. 64-68].

Câu 1: Đoạn trích trên viết về đề tài gì?

- A. Đề tài thiên nhiên.
- B. Đề tài gia đình.
- C. Đề tài trẻ em.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 2: Truyện kể theo ngôi kể và đặt điểm nhìn vào nhân vật nào?

- A. Ngôi thứ nhất, nhân vật Sơn.
- B. Ngôi thứ nhất, nhân vật vú già.
- C. Ngôi thứ ba, nhân vật Hiền.
- D. Ngôi thứ ba, nhân vật Sơn.

Câu 3: Biện pháp nghệ thuật nổi bật nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

- A. Sự kết hợp miêu tả và biểu cảm tinh tế.
- B. Thủ pháp đối lập.
- C. Nghệ thuật miêu tả tâm lý đặc sắc.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 4. Theo anh/chị, chi tiết: “Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hờ cả lưng và tay” có ý nghĩa gì?

- A. Thể hiện hoàn cảnh khó khăn, cơ cực của cô bé Hiên.
- B. Thể hiện hoàn cảnh khó khăn, sung sướng của cô bé Hiên.
- C. Thể hiện sự hãnh diện về hoàn cảnh của cô bé Hiên.
- D. Thể hiện tấm lòng cảm thông thương xót của nhà văn Thạch Lam đối với số phận của những người dân nghèo.

Câu 5. Khi chị Lan chạy về nhà lấy áo, Sơn có tâm trạng ra sao?

- A. Sơn háo hức chờ đợi.
- B. Sơn tự nhiên thấy ấm áp, vui vui trong lòng.
- C. Sơn thấy tự hào vì mình đã làm được một việc tốt.
- D. Chị Lan về lấy áo, Sơn lại thấy hơi lo vì chưa xin phép mẹ.

Câu 6. Tại sao Sơn lại nghĩ đến việc đem chiếc áo bông của em Duyên cho Hiên?

- A. Hiên và Duyên là bạn chơi với nhau.
- B. Hiên trạc tuổi Duyên nên chắc sẽ mặc vừa áo Duyên.
- C. Vì Hiên mặc áo rách, bị rét, Sơn rất thương.
- D. Vì Duyên đã mất không cần dùng áo nữa.

Câu 7. Qua đoạn trích trên, nhà văn Thạch Lam ca ngợi điều gì?

- A. Ca ngợi tấm lòng thơm thảo thương yêu, giúp đỡ nhau trong cảnh bần hàn.
- B. Ca ngợi sự hiếu thảo của người con.
- C. Ca ngợi tình cảm anh em trong gia đình.
- D. Tình yêu thương vô điều kiện của mẹ đối với con.

Câu 8. Qua đoạn trích trên, anh/chị thấy Hiên và cô bé bán diêm (Cô bé bán diêm, An-đéc-xen) giống nhau ở điểm nào?

- A. Đều bị cha hắt hủi.
- B. Đều không có gia đình.
- C. Đều là những đứa trẻ nghèo sống trong xã hội bất công, vô nhân đạo.
- D. Đều là những bé gái có hoàn cảnh đáng thương, thiếu thốn vật chất và ở trong mùa đông khắc nghiệt.

Câu 9. Theo anh/chị, việc tác giả đặt nhan đề “*Gió lạnh đầu mùa*” cho tác phẩm có ý nghĩa biểu tượng gì?

Câu 10. Theo anh/chị, cách ứng xử của mẹ Sơn và mẹ Hiên trong đoạn cuối câu chuyện có ý nghĩa gì? Nếu là mẹ của Sơn hoặc Hiên anh/chị sẽ xử lý tình huống trên như thế nào? Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn ngắn khoảng 7-10 dòng.

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (4.0 điểm)

Trong xã hội ngày nay, nhiều người quan niệm rằng: “*Lòng nhân ái không còn là thước đo để đánh giá đạo đức, nhân cách của con người*”. Dựa vào đoạn trích ở phần đọc hiểu và sự hiểu biết của mình, anh/chị hãy viết một đoạn văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ quan niệm sai lệch trên (khoảng 200 từ).

Như vậy, thông tin thu được qua đề kiểm tra cung cấp mức độ tiếp thu kiến thức, kỹ năng và mức độ NL GQVĐ&ST mà HS đạt được. Từ đó, giúp GV kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và mức độ khó của đề kiểm tra ở những lần sau cho phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh.

4. Kết luận

Như vậy, việc phát triển NL của người học là việc làm vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, làm thế nào để có thể đánh giá được NL của người học là một trong những câu hỏi được đặt ra hàng đầu trong dạy học phát triển năng lực nói chung và dạy học phát triển NL GQVĐ&ST nói riêng. Trong bài viết này, chúng tôi đã xây dựng một số công cụ điển hình đánh giá NL GQVĐ&ST của HS theo các tiêu chí và mức độ NL GQVĐ&ST của HS nhằm phát triển NL GQVĐ&ST cho HS

trong dạy học đọc hiểu văn bản truyện lớp 10 (SGK Chân trời sáng tạo) ở trường THPT. Tuy nhiên đây mới chỉ là những nghiên cứu ban đầu, chúng tôi hy vọng sẽ có thể cải tiến và phát triển thêm trong các nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Ministry of Education and Training, *General Education Program, Master Program (Issued together with Circular No. 32/2018 of the Ministry of Education and Training)*. Ha Noi: Ministry of Education and Training, 2018.
- [2] V. C. Hoang, *Developing problem solving and creativity for students through teaching Oxygen – Sulfur – Chemistry Chapter 10*. Ha Noi: VNU University Of Education, 2017.
- [3] N. K. V. Nguyen, *Developing problem solving and creativity for students through applying John Medina's mental rules in teaching Chapter 6 and 7 chemistry grade 10 High school*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City University of Education, 2018.
- [4] T. T. Vu, *Developing students' problem solving and creativity through teaching the topic of integrated nonmetals - Chemistry 10*. Ha Noi: VNU University Of Education, 2020.
- [5] V. T. Chu and T. V. A. Dao, "Manifestation and assessment tools towards students' problem solving skill of blended teaching to science subjects in lower secondary school," *Journal of Science of HNUE*, vol. 62, no. 4, pp. 59-68, 2017.
- [6] T. T. Cao and N. V. Le, "Developing assessment tools of creativity and problem-solving competency for lower secondary school students in integrated natural sciences (physics, chemistry and biology) teaching based on project," *Vietnam Journal of Educational Sciences – VJES*, vol. 14, pp. 55-59, February 2019.
- [7] N. T. Nguyen, T. H. Bui, and T. N. Tran, "Design frame assessment of the capacity to solve problems and creativity for students through teaching general chemistry applied the flipped classroom model at technical universities," *Journal of Science of HNUE*, vol. 65, no. 1, pp. 204-214, 2020.
- [8] N. D. Nguyen, "Design set of assessment of problem solution and creativity for students in the north north mountainous province through project teaching in chemistry," *Vietnam Journal of Education*, vol. 443, no. 1, pp. 47-53, 2018.
- [9] T. N. Tran, "Assessment of the problem solve capability of high school students through the project teaching of inorganic chemistry in Lao PDR," *Vietnam Journal of Education*, Special issue, pp. 267-275, 2018.
- [10] T. T. T. Do, *Developing problem solving and creativity for students in teaching Chapter: Nitrogen group - Chemistry 11*. Ha Noi: Hanoi National University of Education, 2017.
- [11] N. D. Nguyen, *Developing problem solving and creativity for students in the Northwest in teaching non-metallic chemistry at high school*. Ha Noi: Hanoi University of Education, 2020.
- [12] L. Thach, *Thach Lam short story works and comments*. Ha Noi: Literature Publishing House, 2007.